TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **245**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Đông**

Ông Nguyễn Văn Khanh

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 528/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXX ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983

ĐKNKTT: Tổ 5, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở:

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm: 1979

ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường Long Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội

(Chị H và anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị và anh Đặng Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mỗi người một ý, không có sự hòa hợp trong cuộc sống. Anh T là người nóng

tính, có đánh đập và hay chửi bới chị vào lúc đêm tối, ngoài ra còn kiểm soát kinh tế gia đình, chi phối, không tôn trọng và thường đổ lỗi cho chị. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng mệt mỏi. Năm 2007, chị đã làm đơn gửi ủy ban xã xin ly hôn, sau đó địa phương hòa giải, chị vì con đã rút đơn về. Tuy nhiên kể từ ngày đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, mà ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Đến tháng 6 năm 2022, mâu thuẫn đỉnh điểm, vợ chồng thường xuyên hàng đêm cãi nhau khiến ảnh hưởng đến tâm lý của các con, con gái chị đã có hành vi tự tử vì không chịu nổi việc bố mẹ thường xuyên mâu thuẫn. Anh chị ly thân, cắt đứt quan hệ vợ chồng từ giữa năm 2022 đến nay. Khi chị và các con chuyển đến nơi ở khác để tránh va chạm thì anh T vẫn tiếp tục đến cửa hàng và là nơi ở chị chửi bới chị, gây sự với nhân viên cửa hàng và có những lời lẽ thô tục, xúc phạm chị. Tháng 3/2023 chị đã nộp đơn ly hôn đến Toà án nhân dân quận Long Biên, được Toà án hoà giải nên chị rút đơn cho vợ chồng cơ hội đoàn tụ tuy nhiên quan hệ vợ chồng không cải thiện nên chị tiếp tục nộp đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Thị Trà M sinh ngày 27/5/2006 và Đặng Ngọc N, sinh ngày 10/5/2008. Hiện nay các con đang ở với chị. Hiện nay cháu Trà M đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Đối với cháu Đặng Ngọc N chị đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Đặng Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau**:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, Hưng Yên, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống đôi khi có những lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, chồng bát cũng có lúc xô nên cuộc sống cũng đôi khi xảy ra việc nọ việc kia do không hiểu nhau, chưa thực sự cảm thông cho nhau. Nhiều lúc đi làm về mệt mỏi nên tôi có nóng tính, chưa kìm chế được minh dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Khi chị H đưa 2 con đi thuê nhà nơi khác, tôi có đến cửa hàng chị H làm để kiểm tra tài sản đồng thời cũng đến mua thuốc và tư vấn sức khỏe và thăm các con nhưng thấy nhân viên cửa hàng chị H đã mắng con tôi rất nhiều lần, nhân viên chia rẽ vợ chồng tôi nên tôi bức xúc đã chửi lại. Chị H cũng có nhiều lời nói, hành động không đúng

mực với tôi, nói dối là đi học nhưng thực tế không ngủ ở kí túc xá. Nhưng anh xác định những mâu thuẫn này chưa đến mức độ trầm trọng, nên tôi muốn hai vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình lại. Anh không muốn vợ chồng ly hôn, không muốn các con không đủ bố đủ mẹ, và lý do chị H đưa ra để muốn ly hôn anh là không đúng. Đề nghị chị H ghi đúng thực tế trong đơn thì anh sẽ đồng ý ký đơn ly hôn, thực tế là gì thì chị H là người biết rõ anh không trình bày ở đây.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Đặng Thị Trà M, sinh ngày 27/5/2006 và Đặng Ngọc N, sinh ngày 10/5/2008. Do chị H bận đi học không đủ điều kiện để chăm sóc cả hai con nên tôi đề nghị được nuôi cả hai con, khi nào chị H học xong thì đón con thì là quyền quyết định của hai cháu tôi không ngăn cấm. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như quan điểm trong các buổi làm việc tại Tòa án, chị đề nghị được ly hôn với anh Đặng Văn T. Về con chung, tại phiên toà, cháu Đặng Ngọc N trình bày nguyện vọng muốn được ở với anh Đặng Văn T, chị tôn trọng nguyện vọng của con và đồng ý để anh T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, chị có đến đâu sẽ cho con đến đó. Về tài sản, công nợ chung chị giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa, anh Đặng Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Anh thừa nhận từ năm 2021- khi đại dịch covid xảy ra thì vợ chồng phát sinh bất đồng vì chị H có thời gian vắng nhà quá nhiều, không đảm bảo việc chăm sóc con và gia đình. Về con chung anh đề nghị được nuôi cháu Đặng Ngọc N do cháu có nguyện vọng được ở với anh, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ chung, anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: 02 con chung là Đặng Thị Trà M sinh ngày 27/5/2006 và Đặng Ngọc N, sinh ngày 10/5/2008. Cháu Trà M đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có sức khoẻ và khả năng lao động nên không xem xét. Đối với cháu Đặng Ngọc N, anh chị thống nhất giao cháu Nhân cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con đối với chị H.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Đặng Văn T; ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ kinh tế đến cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, vì vậy, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh T là người nóng tính, nên có việc đánh đập chị H, chị H đã làm đơn xin ly hôn, sau đó được Toà án hòa giải, chị vì con đã rút đơn về. Tuy nhiên kể từ ngày đó đến nay, quan vợ chồng

vẫn không được cải thiện, mẫu thuẫn vẫn tiếp tục tiếp diễn, cuộc sống chung căng thẳng mệt mỏi. Đến tháng 6 năm 2022, mâu thuẫn đỉnh điểm, thường xuyên hàng đêm cãi nhau khiến ảnh hưởng đến tâm lý của các con, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị ly thân nhau từ đó đến nay. Việc anh T nhiều lần đến nơi ở, nơi làm việc có lời lẽ xúc phạm chị H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có cách nào để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[**2.2] Về con chung**: Anh chị có 02 con chung là Đặng Thị Trà M sinh ngày 27/5/2006 và Đặng Ngọc N, sinh ngày 10/5/2008. Cháu Trà M đã trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với cháu Đặng Ngọc N, tại phiên toà hôm nay cháu thay đổi quan điểm, đề nghị được ở với bố là anh Đặng Văn T, anh T đề nghị được nuôi cháu Nhân, chị H đồng ý vì vậy cần công nhận thoả thuận của chị H anh T, giao cháu Đặng Ngọc N cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con đối với chị H là có căn cứ phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Do chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Do chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Đặng Văn T. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Đặng Thị Trà M sinh ngày 27/5/2006 và Đặng Ngọc N, sinh ngày 10/5/2008. Cháu Trà M đã trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập cuộc sống. Công nhận sự thoả thuận của chị H anh T về việc khi ly hôn, giao cháu Đặng Ngọc N cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con đối với chị Nguyễn Thị H đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Không ai được quyền ngăn cản việc gặp gỡ, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0018264 ngày 03/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm.

Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Loan